TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:103/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
"V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Thanh Hà

2/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh– Thư ký Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 305/2024/TLST-DS ngày 29/10/2024 về việc: "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R - sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 42 Đường 651 Vườn Trầu, xã P, huyện C, THÀNH PHỐ H.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Kim L - sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 120 Đường 42, Phường 10, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

Có bà Đào Thị Mai P đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2024) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

Địa chỉ: Số 1294-1296 Đường B, Phường H, Quận M, THÀNH PHỐ H.

Có bà Nguyễn Thị H – đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 198/UQ-CC ngày 19/12/2024) (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Trần Tấn Đ - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 120 Đường 42, Phường 10, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

Có bà Đào Thị Mai P đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày

17/6/2024) (có mặt)

3. Ông Trần Văn T - sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 61 Đường V, xã P, huyện C, THÀNH PHỐ H (có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Trần Hoài P - sinh năm 1990.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh H - sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 120 Đường 42, Phường 10, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

Ông P và bà H cùng ủy quyền cho bà Đào Thị Mai P (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2024) (có mặt)

6. Quỹ Phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 121 đường H, Phường C, Quận B, THÀNH PHỐ H.

Có bà Trần Lê Xuân T - đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 174/UQ-QPTNƠ ngày 08/11/2024).

7. Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, THÀNH PHỐ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Bà và bà L có mối quan hệ họ hàng nên từ năm 2017 đến năm 2019. Bà có cho bà L vay tiền và vàng nhiều lần với tổng số tiền là 3.665.000.000 đồng (không lãi suất) và 07 lượng 04 chỉ vàng 9999. Khi vay, bà L nói vay với mục đích là làm giấy tờ hợp thức hóa nhà và hùn vốn làm ăn với bà Vân nào đó mà bà không quen biết, số tiền vay bà L là người nhận trực tiếp, mỗi lần bà L nhận tiền thì bà L tự ghi vào một tờ giấy và bà L ký tên.

Sau đó một thời gian thì bà phát hiện bà L không hùn vốn làm ăn như đã nói, nên bà đã liên tục đòi tiền bà L, bà L hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả nên hai bên đã gặp nhau và tổng kết lại số nợ và viết lại giấy nhận nợ. Ngày 05/02/2021, bà L viết giấy mượn nợ nhưng xin bà ghi số tiền 1.200.000.000 đồng vì bà L nói đây là số tiền bà L vay để sửa nhà và hợp thức hóa giấy tờ nhà nên bà L cam kết sẽ bán nhà để trả trước số tiền này vào ngày 15/3/2021, còn số vàng và tiền còn lại bà vay riêng để đầu tư kinh doanh nên bà L xin không ghi vào giấy nợ lần này sợ con bà L biết. Bà L hứa sẽ trả cho bà sau, nhưng đến ngày 15/3/2021, bà L vẫn không trả cho bà số tiền 1.200.000.000 đồng như đã hứa. Do đó, bà yêu cầu bà L viết lại giấy nhận nợ mới để tổng hợp tất cả các khoản nợ vào giấy nhận nợ mới thì bà L đồng ý.

Ngày 18/06/2021, bà L viết lại giấy mượn nợ với bà có nội dung là bà L có mượn tôi số tiền 3.665.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và 07 cây 04 chỉ vàng 9999; thời hạn trả trong vòng 02 tháng kể từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/8/2021. Trong số tiền và vàng nêu trên đã bao gồm 1.200.000.000 đồng trong giấy mượn nợ ngày 05/2/2021, nhưng đến thời hạn trả vào ngày 18/8/2021 bà L cũng không trả tiền và vàng cho bà như đã cam kết.

Trong quá trình vay, từ ngày 04/5/2021 đến ngày Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ H xử phúc thẩm bà L đã trả cho bà 206.000.000 đồng và bà đồng ý trừ số tiền

trên vào tiền gốc. Số nợ còn lại là 3.459.000.000 đồng và số tiền lãi 10%/năm, tổng cộng là 807.100.000 đồng. Bản án dân sự phúc thẩm số 618/2024/DS-PT ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ H đã tuyên buộc bà Phan Thị Kim L phải trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền là 4.266.100.000 đồng và số tiền tương ứng với số vàng 7 lượng 04 chỉ ngày 08/7/2024 là 551.300.000 đồng, tổng là 4.817.400.000 đồng. Thời hạn trả: trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L còn phải tiếp tục trả lãi chậm cho bà R kể từ ngày 13/10/2023 trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong số nợ trên theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Sau khi ông Trần Văn Ph chết, bà L là người được hưởng di sản của ông Ph nhưng ngày 04/5/2021, bà L đến Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S) làm văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chồng, đồng thời để con trai tên Trần Tấn Đ toàn quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 120 đường số 42, Phường 10, QUẬN X, Tp.H (thuộc thửa đất số: 551, tờ bản đồ số: 76 (BĐĐC 2001 P.10 Q.X); căn nhà số 9/9 đường 661, ấp M, xã P, huyện C, Tp.H (số tờ 08, số thửa 616) và toàn bộ số tiền (bao gồm cả lãi và gốc phát sinh) trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số seri AAC2848652 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV- Chi nhánh Củ Chi đã được Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất nêu trên vào ngày 01/7/2021. Đến ngày 11/11/2021, anh Trần Tấn Đ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho em trai là anh Trần Hoài P đối với nhà đất nêu trên; ngày 30/11/2021 anh Trần Hoài P và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh H thế chấp nhà đất nêu trên cho Quỹ phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H theo Hợp đồng số: 21.1.0283/HĐTC-TNT để vay số tiền 900.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số: 21.1.0283/HĐTC-TNT với thời hạn vay 20 năm, lãi suất 4,7%/năm.

Tại bản án số 237/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 Tòa án nhân dân QUẬN X không đưa anh Phương, chị Hằng, Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H và Quỹ phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H vào tham gia tố tụng để giải quyết yêu cầu hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L là thiếu sót và vi phạm thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy một phần bản án số 237/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân QUẬN X đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc hủy một phần Văn bản từ chối di sản đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S). Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân QUẬN X hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

Bị đơn bà Phan Thị Kim L có bà Đào Thị Mai P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Phan Thị Kim L là vợ của ông Trần Văn Ph; sau khi ông Ph chết, bà L đã từ chối nhận di sản thừa kế gồm: thửa đất số 551, TBĐ số 76 tại Phường 10, QUẬN X, TP.H; thửa đất số 616, TBĐ số 8 tại xã P, huyện C, TP.H, và 1 sổ tiết kiệm trị giá 100 triệu.

Do tài sản nói trên là tài sản riêng của chồng, nên bà L từ chối di sản thừa kế để lại cho con trai, sau này tuổi già nhờ cậy các con. Bà L không có ý định trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, bà L sẽ trả nợ cho bà R ngay khi có tiền, và không trốn tránh việc trả nợ cho bà R. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tấn Đ, Trần Hoài P và bà Nguyễn Thị Thanh H có bà Đào Thị Mai P trình bày :

- Ông Trần Tấn Đ là con của bà Phan Thị Kim L và ông Trần Văn Ph, sau khi ông Ph chết, ông Đ được nhận di sản thừa kế gồm: thửa đất số 551, TBĐ số 76 tại Phường 10, QUẬN X, TP.H; thửa đất số 616, TBĐ số 8 tại xã P, huyện C, TP.H, và 1 sổ tiết kiệm trị giá 100 triệu.

Tài sản nói trên do ông Đ nhận thừa kế hợp pháp từ cha là ông Trần Văn Ph. Ông Đ không hề biết gì việc bà L vay nợ, nếu việc từ chối tài sản của bà L nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ đồng ý văn bản công chứng vô hiệu và hoàn trả giá trị phần thừa kế mà bà L nhận được sau khi trừ các nghĩa vụ phải trả cho ông Trần Văn Ph (người để lại di sản).

Sau khi nhận thừa kế thửa đất số 551, TBĐ số 76 tại Phường 10, QUẬN X, TP.H, ông Đ đã xây cất nhà và chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất cho vợ chồng ông Trần Hoài P và bà Nguyễn Thị Thanh H vào năm 2021 giá 1.300.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 00020055 ngày 11 tháng 11 năm 2021; thửa đất số 616, TBĐ số 8 tại xã P, huyện C, TP.H hiện là nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên bên nội của gia đình; sổ tiết kiệm 100 triệu đã được dùng để lo chi phí đám tang cho ông Trần Văn Ph sau khi qua đời. Do đó, ông yêu cầu được thỏa thuận giá trị thừa kế này với bà L.

- Ông Trần Hoài P là con của bà Phan Thị Kim L và ông Trần Văn Ph, sau khi ông Ph chết, Ông P đã từ chối toàn bộ quyền nhận di sản thừa kế của mình để lại cho em trai là ông Trần Tấn Đ.

Do đó, Ông P không có ý kiến gì về việc nguyên đơn yêu cầu hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

Trường hợp, Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì ông không có trách nhiệm hoàn trả phần di sản bà L được hưởng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H là vợ của ông Trần Hoài P; bà H và Ông P đã mua lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 551, TBĐ số 76 tại Phường 10, QUẬN X, TP.H (nay là số 120 đường số 42, phường 10, QUẬN X, TP.H) từ ông Trần Tấn Đ với giá 1.300.000.000 đồng. Tài sản này là tài sản chung vợ chồng hợp pháp của Ông P, bà H, vợ chồng bà H đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thanh toán với ông Đ.

Bà không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà mong muốn tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S) trình tại bản khai ngày 20/12/024, có đơn xin vắng mặt.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu, Văn phòng công chứng S có ý kiến như sau:

Ông Trần Văn Ph - bà Phan Thị Kim L là vợ chồng có đăng ký kết hôn (số 09, quyển số 01 do UBND Phường 8, Quận 11 cấp ngày 12/01/1990). Ông Ph - bà L có 2 con chung là Trần Hoài P (sinh ngày 11/09/1990) và Trần Tấn Đ (sinh ngày 08/04/1994).

Ngày 16/05/2019 ông Trần Văn Ph chết, Giấy chứng tử số 34/2019 ngày 17/05/2019 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 11 cấp.

Ngày 30/03/2021 ông Trần Hoài P, bà Phan Thị Kim L, ông Trần Tấn Đ yêu cầu công chứng từ chối nhận di sản – khai nhận di sản thừa kế của ông Ph, gồm có:

- Nhà, đất số 120 đường số 42, Phường 10, QUẬN X, Tp.H (thuộc thửa đất số 551, tờ bản đồ số 76 (BĐĐC 2001.P10.Q6) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AC 964675, số vào sổ cấp GCN: H00032/2008 do Ủy ban nhân dân QUẬN X, TP HCM cấp ngày 29/02/2008, giấy đề nghị cấp sổ nhà được Công ty cổ phần đầu tư Bình Phú xác nhận ngày 21/12/2007, Văn bản thỏa thuận tài sản riêng giữa ông Ph và bà L tại Văn phòng công chứng Củ Chi, TP HCM ngày 12/08/2015, cấp Giấy phép xây dựng số 747/GPXD do UBND QUẬN X cấp 19/09/2013.
- Quyền sử dụng đất thuộc Thửa 616, tờ bản đồ số 8, xã P, huyện C, TP HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân huyện C, Tp.H cấp ngày 22/11/2010.
- Số tiền (gồm gốc và lãi) trong Thẻ tiết kiệm số AAC 2848652 do Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam – BIDV – chi nhánh Củ Chi phát hành ngày 22/04/2019.

Công chứng viên đã kiểm tra đối chiếu các giấy tờ do đương sự xuất trình (CCCD, giấy kết hôn, khai tử, khai sinh, giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở…) và giải thích nghĩa vụ của bà L, Ông P, ông Đ khi từ chối và khai nhận di sản, các bên đã hiểu rõ và yêu cầu công chứng thực hiện việc Từ chối và Khai nhận di sản thừa kế. Văn phòng công chứng S tiến hành thủ tục niêm yết Thông báo khai nhận di sản tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 11, tại Ủy ban nhân dân Phường 10, QUẬN X, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C theo quy định pháp luật.

Hết thời hạn niêm yết, không nhận được khiếu nại ngày 04/05/2021, công chứng viên Văn phòng công chứng S đã công chứng Văn bản bà Phan Thị Kim L, ông Trần Hoài P từ chối nhận di sản, số công chứng 00012609 và Văn bản ông

Trần Hoài Đông khai nhận toàn bộ di sản thừa kế nói trên, số công chứng 00012610. Toàn bộ 02 văn bản được ký trước mặt công chứng viên (có bản điểm chỉ lưu hồ sơ)

Nhận thấy, yêu cầu từ chối nhận di sản và khai nhận di sản thừa kế của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, di sản thừa kế nói trên là có thật không tranh chấp, hạn chế hay bị ngăn chặn giao dịch, người từ chối nhận di sản cam kết từ chối không nhằm trốn tránh thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào.

Các Văn bản trên được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật về công chứng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L (số công chứng 00012609 do Văn phòng công chứng S – trước là Văn phòng công chứng S, công chứng ngày 04/05/2021). Văn phòng công chứng S, THÀNH PHỐ H đề nghị quý Tòa căn cứ quy định pháp luật để xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T: trình bày tại bản khai sự việc bà R cho bà L vay mượn tài sản ông không biết, bà R cho mượn bằng tài sản riêng không liên quan đến ông, do đó ông không có ý kiến gì về vụ kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ Phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H trình bày tại bản ý kiến, có đơn xin vắng mặt: Không có ý kiến gì về vụ kiện trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H: Việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận của Sở Tài nguyên và môi trường là thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật đất đai nên không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến giao dịch của các bên tranh chấp. Do đó, Sở Tài nguyên và môi trường sẽ không tham gia tố tụng vụ kiện.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng quy định của pháp luật.

Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị R khởi kiện bà Phan Thị Kim L yêu cầu Tòa án hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày

04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S). Bị đơn có nơi cư trú tại QUẬN X, căn cứ vào khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN X.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

[1.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 12/01/1990 của ông Trần Văn Ph và bà Phan Thị Kim L có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào giấy chứng tử số 193/TLKT-BS ngày 17/5/2019 của ông Trần Văn Ph chết ngày 16/5/2019. Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng S; Văn bản từ chối nhận di sản ngày 04/5/2021 của bà Phan Kim Liên và ông Trần Hoài P.

Các tài liệu chứng cứ thể hiện từ năm 2017 bà L đã bắt đầu vay tiền vàng của bà R, nhưng đến ngày 18/6/2021 hai bên mới đối chiếu và bà L đã viết giấy nhận nợ cam kết trả trong vòng 2 tháng nhưng đến hẹn bà L không trả được nợ. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 618/2024/DS-PT ngày 08/7/2024 buộc bà Phan Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền 4.817.400.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[1.2] Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế được bà Phan Thị Kim L và ông Trần Hoài P lập ngày 04/5/2021, với nội dung từ chối nhận di sản thừa kế của ông Trần Văn Ph (là chồng của bà L) để lại, gồm các tài sản:

- Toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 120 đường số 42, Phường 10, QUẬN X (thuộc thửa đất số 551, tờ bản đồ số: 76 (BĐC 2001 P.10 Q.X).

- Toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 616, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ xã P, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

- Toàn bộ số tiền bao gồm cả gốc và lãi phát sinh có trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số seri AAC mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Củ Chi.

[1.3] Trong văn bản từ chối nhận di sản có ghi rõ:“ Văn bản từ chối nhận di sản này do chúng tôi tự nguyện lập, việc từ chối nhận di sản thừa kế nêu trên không nhằm trốn tránh việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào của chúng tôi đối với người khác, nếu có thì văn bản này vô hiệu”. Văn bản được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

Tuy nhiên, trước khi lập văn bản từ chối nhận di sản nêu trên thì từ năm 2017 bà L đã nhiều lần vay tiền của bà R cho đến ngày 18/6/2021 bà L chốt số nợ đối với bà R với tổng số tiền là 3.665.000.000 đồng và 07 lượng 04 chỉ vàng chưa thanh toán. Ngoài phần di sản của ông Trần Văn Ph để lại thì bà L không còn tài sản nào khác và không có nguồn thu nhập nào khác để trả nợ cho bà R, nên sau khi từ chối nhận di sản của chồng thì bà L không có khả năng trả nợ.

Như vậy, việc bà L từ chối nhận di sản thừa kế của ông Trần Văn Ph là cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với bà R, vi phạm khoản 1 Điều 620 Bộ luật dân sự 2015. Do nội dung từ chối nhận di sản của bà Phan Thị Kim L vi phạm quy định của pháp luật nên dù Công chứng viên không có lỗi trong quá trình công chứng cũng cần phải hủy một phần Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S). Vì vậy, phần Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021, nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ một phần đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, Văn bản được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng S là có căn cứ.

[2] Tuy nhiên, sau khi bà L từ chối nhận di sản của ông Trần Văn Ph trong đó có nhà đất tại địa chỉ số 120 đường số 42, Phường 10, QUẬN X và nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho con trai là Trần Tấn Đ thì anh Đông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất nêu trên vào ngày 01/7/2021. Đến ngày 11/11/2021, anh Trần Tấn Đ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho em trai là anh Trần Hoài P và vợ là Nguyễn Thị Thanh H đối với nhà đất nêu trên; ngày 30/11/2021 anh Trần Hoài P và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh H thế chấp nhà đất nêu trên cho Quỹ phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H theo Hợp đồng số: 21.1.0283/HĐTC-TNT để vay số tiền 900.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số: 21.1.0283/HĐTC-TNT với thời hạn vay 20 năm, lãi suất 4,7%/năm. Tòa án đã triệu tập Quỹ phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H và Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do Quỹ Phát triển nhà ở THÀNH PHỐ H và Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ H không có ý kiến gì về vụ kiện, nên trường hợp các bên có tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 00020055 ngày 11/11/2021 và hợp đồng tín dụng số: 21.1.0283/HĐTC-TNT ngày 30/11/2021, sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Ông Trần Tấn Đ trình bày đối với thửa đất số 616, tờ bản đồ số 8 tại xã P, huyện C, TP. H hiện là nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên bên nội của gia đình ông yêu cầu được thỏa thuận giá trị thừa kế này với bà Phan Thị Kim L. Nhận thấy giữa ông Đ và bà L tồn tại mối quan hệ mẹ - con ruột, việc ông Đ muốn thỏa thuận giá trị tài sản thừa kế với bà L là việc thỏa thuận cá nhân. Ngoài ra, ông Đ không có

đơn yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của mình nên không có cơ sở xem xét giải quyết, trường hợp các bên có yêu cầu, sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 00020055 ngày 11/11/2021 giữa ông Trần Tấn Đ và vợ chồng ông Trần Hoài P, bà Nguyễn Thị Thanh H, như đã nhận định, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên không đúng quy định pháp luật. Trường hợp ông Đ, Ông P, bà H có tranh chấp về hợp đồng trên sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà Phan Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn đóng tạm ứng án phí nên không phải đóng tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 620 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1/ Hủy một phần Văn bản từ chối di sản thừa kế đối với phần từ chối của bà Phan Thị Kim L, được công chứng số 00012609 quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S).

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng,

- Bà Nguyễn Thị R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn đóng tạm ứng án phí nên không phải đóng tạm ứng án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND TP.H;
- VKSND QUẬN X;
- CCTHADS QUẬN X;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thu